

Số: /QĐ-UBND

Bình Định, ngày tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt phương án tự chủ tài chính đối với các đơn vị trực thuộc
Sở Giáo dục và Đào tạo, giai đoạn 2022-2025**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ
quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; Thông tư số
56/2022/TT-BTC ngày 16 tháng 9 năm 2022 của Bộ Tài chính Hướng dẫn một số
nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài
chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số
3041/TTr-SGDĐT ngày 12/ 12/2022 và ý kiến của Giám đốc Sở Tài chính tại Công
văn số 3858/STC-TCHCSN ngày 12/ 12/2022.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án tự chủ tài chính theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP đối với 54 đơn vị trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo, giai đoạn 2022-2025; cụ thể như sau:

1. Mức tự chủ tài chính của đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên (sau đây gọi là nhóm 2): 01 đơn vị.

2. Mức tự chủ tài chính của các đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên được phân loại từ 10% đến dưới 30% chi thường xuyên (sau đây gọi là nhóm 3): 43 đơn vị.

3. Mức tự chủ tài chính của các đơn vị do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên (sau đây gọi là nhóm 4): 10 đơn vị.

(Chi tiết theo Phụ lục đính kèm)

Điều 2.

Quyết định này thay thế Quyết định số 1380/QĐ-UBND ngày 28 tháng 4 năm 2022 và Quyết định số 1543/QĐ-UBND ngày 17 tháng 5 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Giao Sở Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo các đơn vị trực thuộc thực hiện phương án tự chủ tài chính nêu tại Điều 1 đảm bảo theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở Tài chính, Giáo dục và Đào tạo; Thủ trưởng của 54 đơn vị nêu tại Điều 1; Giám đốc Kho bạc nhà nước tỉnh và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- PVP VX;
- Lưu: VT, K9.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lâm Hải Giang

Phụ lục

TỔNG HỢP VỀ PHƯƠNG ÁN PHÂN LOẠI MỨC ĐỘ TỰ CHỦ ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP GIAI ĐOẠN 2022-2025

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /12 /2022 của UBND tỉnh)

STT	Đơn vị	Mức tự đảm bảo chi thường xuyên (%)	Ngân sách cấp chi thường xuyên năm đầu thời kỳ ổn định (triệu đồng)	Ghi chú
	A	1	2	3
I	Mức độ tự chủ đơn vị tự đảm bảo chi thường xuyên: nhóm 2, Gồm: 01 đơn vị			
1	Trung tâm GDTX tỉnh	277,62%		
II	Mức độ tự chủ các đơn vị tự đảm bảo một phần chi thường xuyên: nhóm 3, gồm: 43 đơn vị			
1	Trường THPT Hùng Vương	28,02%	12.704	
2	Trường Nguyễn Thái Học	27,75%	8.239	
3	Trường THPT Trần Cao Vân	26,69%	9.243	
4	Trường THPT Nguyễn Du	26,24%	8.870	
5	Trường THPT Nguyễn Đình Chiểu	24,66%	7.004	
6	Trường THPT Tam Quan	24,35%	8.253	
7	Trường THPT Nguyễn Trường Tộ	23,06%	5.805	
8	Trường THPT Xuân Diêu	21,81%	7.519	
9	Trường THPT Phan Bội Châu	21,27%	8.722	
10	Trường THPT Trưng Vương	19,82%	10.553	
11	Trường Quốc học Quy Nhơn	19,44%	11.294	
12	Trường THPT Mỹ Thọ	18,17%	5.793	
13	Trường THPT Ngô Mây	18,16%	7.527	
14	Trường THPT Nguyễn Trần	18,06%	10.548	
15	Trường THPT số 1 An Nhơn	17,93%	8.325	
16	Trường THPT Tăng Bạt Hổ	17,74%	9.421	
17	Trường THPT Quang Trung	17,62%	9.307	
18	Trường THPT số 2 An Nhơn	16,86%	7.714	
19	Trường THPT số 3 An Nhơn	16,26%	8.619	
20	Trường THPT Nguyễn Hữu Quang	16,11%	5.747	
21	Trường THPT Nguyễn Huệ	15,37%	7.715	
22	Trường THPT số 1 Tuy Phước	14,55%	10.817	
23	Trường THPT Chuyên Lê Quý Đôn	14,51%	11.779	
24	Trường THPT Ngô Lê Tân	14,44%	6.460	
25	Trường THPT số 3 Tuy Phước	14,43%	6.060	
26	Trường THPT Nguyễn Diêu	14,14%	9.306	

STT	Đơn vị	Mức tự đảm bảo chi thường xuyên (%)	Ngân sách cấp chi thường xuyên năm đầu thời kỳ ổn định (triệu đồng)	Ghi chú
	A	1	2	3
27	Trường THPT số 2 Tuy Phước	13,74%	7.246	
28	Trường THPT số 1 Phù Cát	13,69%	10.134	
29	Trường THPT Hòa Bình	13,49%	6.489	
30	Trường THPT Tây Sơn	13,34%	8.913	
31	Trường THPT Nguyễn Trung Trực	12,60%	7.452	
32	Trường THPT Bình Dương	12,14%	6.550	
33	Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm	11,54%	5.028	
34	Trường THPT số 2 Phù Cát	11,47%	8.621	
35	Trường THPT số 3 Phù Cát	11,39%	8.218	
36	Trường THPT Hoài Ân	11,30%	5.668	
37	Trường THPT số 1 Phù Mỹ	11,01%	8.884	
38	Trường THPT Nguyễn Hồng Đạo	10,99%	8.060	
39	Trường THPT Lý Tự Trọng	10,89%	9.108	
40	Trường THPT Võ Giã	10,19%	6.293	
41	Trường THPT chuyên Chu Văn An	10,04%	9.123	
42	Trường THPT số 2 Phù Mỹ	10,02%	9.533	
43	Trường THPT An Lương	10,00%	7.571	
III	Mức độ tự chủ các đơn vị do ngân sách nhà nước đảm bảo chi thường xuyên: nhóm 4, gồm 10 đơn vị			
1	Trường THPT Vĩnh Thạnh	5,14%	8.756	
2	Trường THPT Võ Lai	5,03%	5.476	
3	Trường THPT Trần Quang Diệu	4,52%	8.306	
4	Trường THPT Vân Canh	3,39%	5.665	
5	Trường THPT An Lão	3,22%	6.455	
6	Tr. PTĐTNT THCS&THPT Vân Canh	2,08%	10.663	
7	Tr. PT DTNT THCS&THPT Vĩnh Thạnh	2,03%	7.008	
8	Trường PT DTNT THPT Bình Định	1,91%	7.956	
9	Trường PTĐTNT THCS&THPT An Lão	1,62%	11.227	
10	Trường Chuyên biệt Hy Vọng Quy Nhơn	0,00%	5.514	

|

|

|